




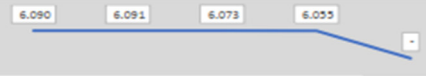







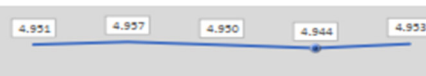
## BẢN TIN TUẦN IPC

*Số 28/22, 11-15/07/2022*






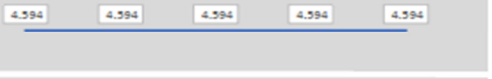

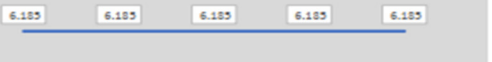
### THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy chiều hướng tiêu cực khi không có quốc gia sản xuất nào ghi nhận giá tăng.
02. Ấn Độ - Giá tiêu Ấn Độ giảm trong 2 tuần qua do đồng Rupee Ấn Độ tiếp tục giảm 1% so với USD (79,64 INR/USD).
03. Indonesia - Giá tiêu Indonesia tuần này ổn định và không thay đổi khi thị trường ít giao dịch sau lễ Eid al-Adha.
04. Malaysia - Giá tiêu Malaysia giao dịch thị trường trong nước và quốc tế ổn định, không thay đổi.
05. Sri Lanka - Giá tiêu Sri Lanka ổn định trong tuần này ổn định sau 2 tuần tăng liên tiếp.
06. Việt Nam - Chỉ có giá tiêu đen nội địa Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm, các loại còn lại ổn định và không thay đổi.
07. Thị trường Hoa Kỳ và châu Âu khá trầm lắng do ảnh hưởng của lạm phát kinh tế toàn cầu. Thêm vào đó, trong 2 tuần qua tại các nhiều khu vực, nguồn cung khan hiếm khiến tăng doanh thu trở nên khó khăn hơn. Tiêu trắng Muntok được giao dịch ở mức 7.050 USD theo CF tháng 7.
08. Nhập khẩu Hồ tiêu của Đài Loan (2020-2022).

### GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (11-15/07/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi		6,077 - 6,182	-2% ↓
 Ex-Lampung		2,935 - 2,936	0% ↔
 Ex-Kuching		4,076 - 4,091	0% ↔
 Ex- HCM		2,944 - 3,004	-2% ↓
 Sri Lanka		4,951 - 4,946	0% ↔


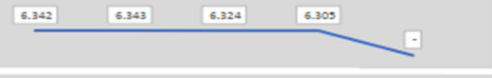



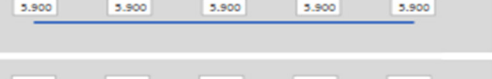

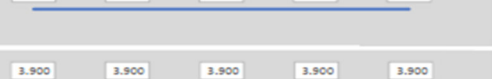


## GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (11-15/07/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang		5,304 – 5,305	0%
 Ex-Kuching		5,825 – 5,847	0%
 Ex-HCM		4,594 – 4,594	0%
 Ex-Hainan		6,185 – 6,185	0%

**Sources:**

- India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
- Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service\*
- Malaysia : Malaysian Pepper Board
- Sri Lanka : Department of Export Agriculture
- Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
- China : Hainan Pepper Association, China Spice Association




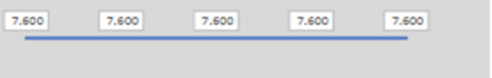

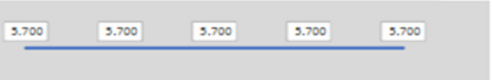

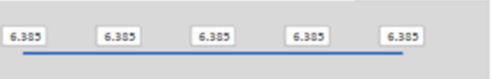
## GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (11-15/07/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA		6,329 – 6,435	-2%
 Lampung ** ASTA		3,508 – 3,509	0%
 Kuching ASTA		5,900 – 5,900	0%
 Ho Chi Minh 500g/l		3,650 – 3,650	0%
 Ho Chi Minh 550g/l		3,900 – 3,900	0%

**Sources:**

- India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
- Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service\*
- Malaysia : Malaysian Pepper Board
- Sri Lanka : Department of Export Agriculture
- Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
- China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

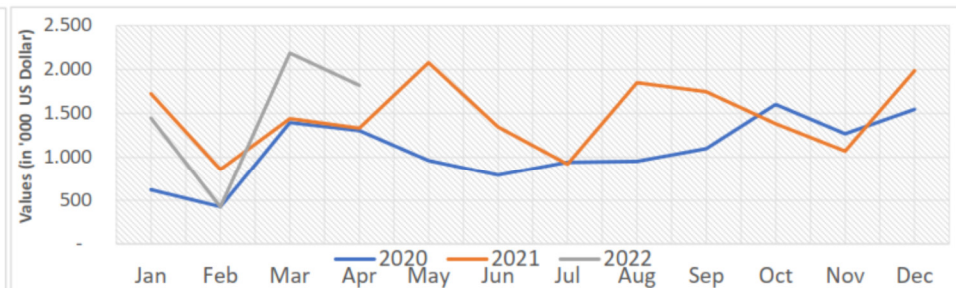
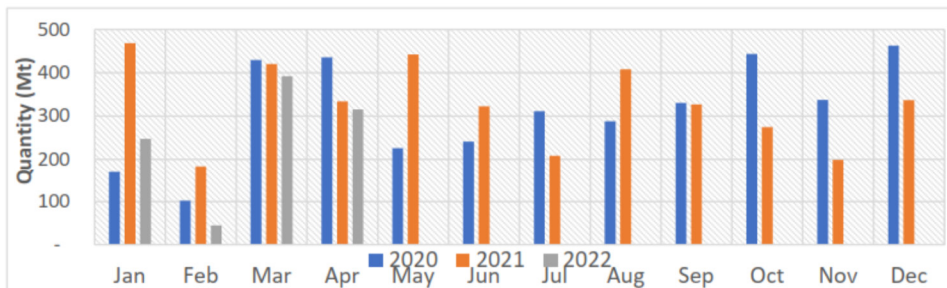
## GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (11-15/07/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ		6,134 – 6,135	0%
 Kuching ASTA		7,600 – 7,600	0%
 Ho Chi Minh FAQ		5,700 – 5,700	0%
 Haikou FAQ		6,385 – 6,385	0%

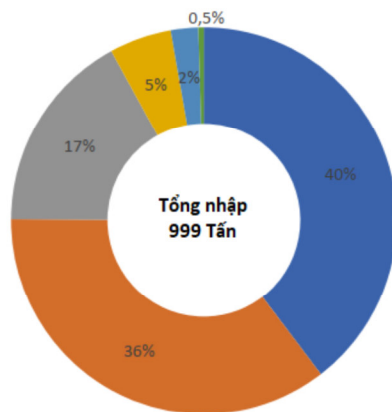
**Sources:**

- India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
- Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service\*
- Malaysia : Malaysian Pepper Board
- Sri Lanka : Department of Export Agriculture
- Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
- China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

## NHẬP KHẨU HỒ TIÊU CỦA ĐÀI LOAN



### 5 quốc gia cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Đài Loan 4 tháng 2022



- 1 Indonesia : 396 Tấn
- 2 Việt Nam : 354 Tấn
- 3 Malaysia : 169 Tấn
- 4 Trung Quốc : 52 Tấn
- 5 Ấn Độ : 23 Tấn
- 6 Khác : 5 Tấn



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

## Nhập khẩu Hồ tiêu của Đài Loan (2020-2022)



	<u>2020</u>	<u>2021</u>	<u>2022*</u>
Tổng lượng nhập (tấn)	3,778	3,926	999
Tổng trị giá nhập ('000 USD)	\$12,921	\$17,744	\$5,878



Thị phần (%)	Tiêu hạt	98%	97%	97%
	Tiêu xay	2%	3%	3%



Chênh lệch (%)	n.a	4%	-29%
----------------	-----	----	------



Giá nhập khẩu (USD/tấn)	Tiêu hạt	\$ 3,267	\$ 4,370	\$ 5,762
	Tiêu xay	\$ 9,534	\$ 8,897	\$ 9,284

\* Tính đến tháng 4/2022

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

## GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	7,100 CF Jul/Aug	n.a
Lampung black (ASTA)	4,350 CF Jul/Aug	n.a
Sri Lanka black	7,100 CF Jul/Aug (Freight very high)	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	5,300 / Mt FOB Prompt	n.a
Viet Nam black (ASTA)	4,350 CF Jul/Aug	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	7,050 CF July	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	7,350 / Mt FOB Prompt	n.a
Viet Nam white (DW)	6,225 CF Jun/Jul	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.73	79.64	14,989	4.44	23,400	361.36
Tuần trước	6.71	79.10	14,986	4.42	23,400	360.11
Thay đổi	Không đổi	Giảm	Không đổi	Không đổi	Không đổi	Không đổi

Nguồn:

- India: x-rates.com, Financial Benchmark India Private Ltd (FBIL)
- Indonesia: Ngân hàng Trung ương Indonesia
- Malaysia: Ngân hàng Trung ương Malaysia
- Sri Lanka: Ngân hàng Trung ương Sri Lanka
- Việt Nam: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Trung Quốc: Hệ thống thương mại ngoại hối Trung Quốc (CFETS)